

**NGHỊ QUYẾT**  
**Ban hành Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**  
**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**  
(Từ ngày 08 đến ngày 09 tháng 7 năm 2014)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc ban hành phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ Chín đã thảo luận và thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

**1. Tổ chức thu phí**

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**2. Đối tượng nộp phí**

Cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Cà Mau được cung cấp dịch vụ thu gom rác thải.

### 3. Mức thu phí

Số TT	Đối tượng nộp	Đơn vị tính	Mức thu phí	
			Phường, xã thuộc TP.CM	Thị trấn, xã thuộc huyện
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình</b>			
1	Hộ gia đình	Đồng/tháng	22.000	13.000
<b>II</b>	<b>Hộ kinh doanh, dịch vụ</b>			
1	Tất cả các hộ kinh doanh cá thể theo quy mô hộ gia đình, sạp chợ, ki ốt các loại...	Đồng/tháng	35.000	25.000
2	Hộ kinh doanh giải khát	Đồng/tháng	45.000	35.000
3	Hộ kinh doanh ăn uống	Đồng/tháng	70.000	45.000
4	Kinh doanh nhà trọ, nhà nghỉ			
	- Dưới 5 phòng	Đồng/tháng	45.000	35.000
	- Từ 5 phòng đến 10 phòng	Đồng/tháng	70.000	45.000
	- Trên 10 phòng	Đồng/tháng	120.000	90.000
5	Các cơ sở dịch vụ y tế tư nhân	Đồng/tháng	70.000	45.000
<b>III</b>	<b>Các cơ sở kinh doanh, Hợp tác xã</b>			
1	Trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch của các ngân hàng, doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý bán buôn, bán lẻ	Đồng/tháng	70.000	45.000
2	Trụ sở của Hợp tác xã	Đồng/tháng	45.000	35.000
<b>IV</b>	<b>Các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế</b>			
1	Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông			
	- Dưới 20 phòng	Đồng/tháng	70.000	45.000
	- Từ 20 phòng trở lên	Đồng/tháng	95.000	70.000
2	Trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học đào tạo, cơ sở dạy nghề	Đồng/tháng	95.000	70.000
3	Trường mẫu giáo, nhà trẻ, trạm y tế	Đồng/tháng	70.000	45.000
4	Phòng khám đa khoa	Đồng/tháng	120.000	70.000
<b>V</b>	<b>Các cơ sở thờ tự</b>	Đồng/tháng	70.000	45.000
<b>VI</b>	<b>Trụ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang (trong khuôn viên độc lập)</b>			
1	Cấp tỉnh và chi nhánh cơ quan Trung ương	Đồng/tháng	120.000	90.000
2	Các huyện và thành phố.	Đồng/tháng	95.000	70.000
3	Các xã, phường, thị trấn.	Đồng/tháng	60.000	45.000
4	Đơn vị lực lượng vũ trang.	Đồng/tháng	70.000	45.000
<b>VII</b>	<b>Các đối tượng khác thực hiện theo hợp đồng</b>			
1	Chợ, bệnh viện, trung tâm y tế, nhà hàng, khách sạn, cơ sở sản xuất của doanh nghiệp, bến tàu - xe, công viên, trung tâm thương mại, siêu thị, hội chợ ...	Đồng/m <sup>3</sup>	180.000	180.000
2	Các đối tượng khác có phát sinh rác đột xuất	Đồng/m <sup>3</sup>	180.000	180.000
3	Các loại rác thải độc hại, cháy nổ		Thoả thuận theo hợp đồng	

#### 4. Quản lý và sử dụng tiền thu phí

Phí vệ sinh là khoản doanh thu của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, được quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và thay thế Nghị quyết số 13/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Cà Mau về ban hành Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

*Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Cà Mau khoá VIII, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT . UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, tp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT<sub>120</sub>

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Công Bửu**